

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 06/CBTT

V/v: Công bố thông tin BCTN

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty Công ty Cổ phần Lilama 45.4
2. Mã chứng khoán: L44
3. Địa chỉ trụ sở chính: Xa lộ Hà Nội – Bình Đa – Biên Hòa - Đồng Nai
4. Điện thoại: 0251.3838.188 Fax: 0251.3838008
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phan Thị Thanh Thủy**

(Giấy ủy quyền số 41/CT-KTTC ký ngày 11/08/2017)

6. Nội dung thông tin công bố:

6.1- Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Lilama 45.4

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn nội dung Báo cáo thường niên năm 2021...:
www.lilama454.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu



Phan Thị Thanh Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4 (L44)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



THÁNG 04/2021

DANH MỤC CÁC DANH TỪ VIẾT TẮT

DANH TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
CP	Cổ phần
BKS	Ban kiểm soát
HDQT	Hội đồng quản trị
VĐL	Vốn điều lệ
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
CBCNV	Cán bộ công nhân viên

NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4
- Tên viết tắt: LILAMA 45.4 JSC
- Mã cổ phiếu: L44
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000
- Trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 3838188
- Fax: (0251) 3838008
- Email: lilama454vnn@vnn.vn
- Website: <http://www.lilama454.com.vn>
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4 Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/09/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

2. Quá trình hình thành và phát triển.

Năm 1979

Công ty được thành lập.

Năm 2006

Công ty đã sang hoạt động dưới mô hình là công ty cổ định phần theo số 794/QĐ-BXD ngày 17/05/2006. Ban đầu tiên vốn là 11.200.000.000 đồng.

Năm 2007

Vốn Điều lệ công ty tăng lên 40 tỷ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 17/5/2007 thông qua công ty phát hành.

Năm 2009

Ngày 21/12/2009, cổ phiếu Lilama 45.4 đã được giao dịch chính thức trên sàn chứng khoán HOSE với mã L44. Là một bước tiến mới trong việc đại chúng và quảng bá hơn nữa thương hiệu Lilama 45.4.

Mã CK: L44

Vốn điều lệ: 40.000.000.000 VNĐ

Tổng KL niêm yết: 4.000.000 CP

Năm 2011

Tháng 8/2011, ký kết hợp đồng với Công ty PTSC - Công ty Dịch vụ cổ phần Cơ khí Hàng hải để triển khai dự án Biên Đông 1 trị giá 3 triệu USD.

Ký kết thành công dự án Điện gió Bạc Liêu trị giá 40 tỷ đồng với Công ty TNHH xây dựng Thương mại dịch vụ Công Lý.

Năm 2012

Góp công lớn giúp Tổng công ty lắp máy Việt Nam đạt giải thưởng vàng duy nhất của Asian Power Awards 2012 về lĩnh vực "Dự án nhà máy được xây dựng nhanh nhất" cho dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2, công suất 750 MW, giá trị 700 triệu USD.

Năm 2014

Với yêu cầu thực hiện thiết lập, năm qua Công ty tiến hành xây dựng phương án tái cấu trúc doanh nghiệp, tinh gọn máy, định hướng lại ngành hoạt động, tổ chức sản xuất mới phương

thức, rà soát quy trình hoạt động, cơ cấu sự, tăng hiệu quả quản lý công ty ... Đề án đặt ra lộ trình thực hiện đến năm 2020.

Năm 2018

Do hoạt động tình hình vẫn còn gặp nhiều khó khăn làm số vốn lũy kế vượt vốn điều lệ Công ty nên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có quyết định hủy niêm yết và chuyển cổ phiếu L44 sang giao dịch tại sàn UPCOM.

Năm 2019

Là năm cuối cùng của việc thực hiện phương án tái cấu trúc doanh nghiệp, Công ty đã và đang triển khai thủ tục chuyển đổi đối với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo phương pháp đã được Đại hội đồng cổ định thông qua.

Năm 2020

Công ty thực hiện quyết toán các công trình còn dang dở, tạo ra lợi nhuận nhằm tiếp tục ổn định hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2021

Công ty đã và đang triển khai thủ tục chuyển đổi đối với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo phương pháp đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Các giải thưởng tiêu biểu

Trong những năm qua Lilama 45.4 luôn tích cực hoạt động và gặt hái được một số thành công sau:

- 7 giấy khen Huy chương vàng Chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam
- Đạt danh hiệu Anh hùng Lao động (cá nhân)
- 7 Huân chương Lao động Nhất – Nhì – Ba cho cá nhân và tập thể Lilama 45.4
- Chứng nhận ISO 9001:2008
- Đạt cúp vàng ISO 2007
- Huân chương Lao động hạng Nhất
- Huân chương Độc lập hạng Ba
- Chứng nhận ISO 9001:2000

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây truyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng; lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Buôn bán sắt thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế liệu nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp nhận về địa điểm và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường);
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp nhận về địa điểm và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây nhà các loại;

- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp nhận về địa điểm và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Địa bàn hoạt động

Đặc thù là hoạt động xây dựng nên địa bàn hoạt động của Lilama45.4 sẽ mở rộng trên khắp cả nước tùy từng công trình và dự án do Công ty thực hiện trên khắp lãnh thổ Việt Nam.

5. Sơ đồ tổ chức

Mô hình quản trị

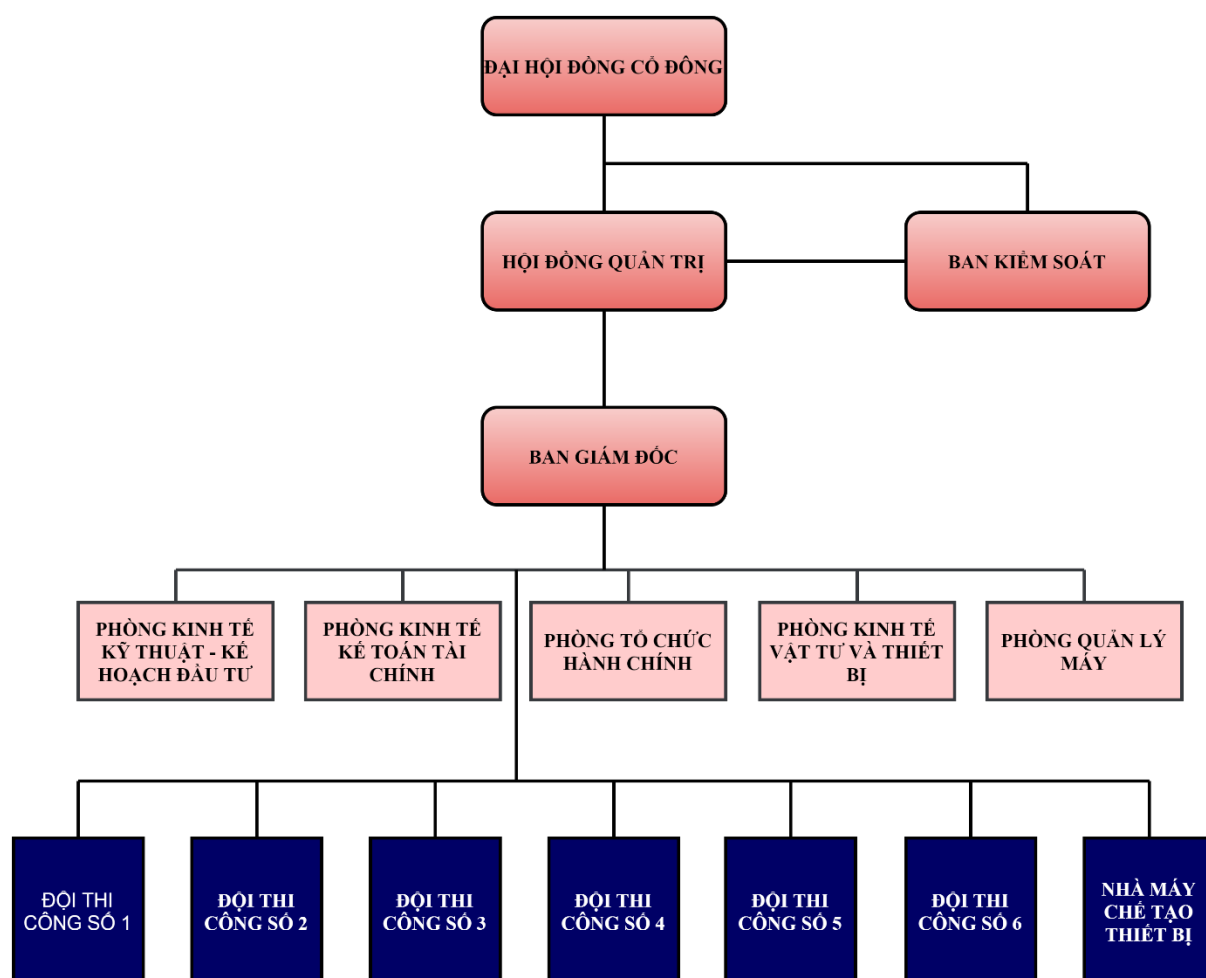
Là công ty cổ phần, mô hình quản trị của Lilama 45.4 được thực hiện theo quy định của pháp luật với cơ cấu như sau:

Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Ban tổng giám đốc



6. Định hướng phát triển

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Mục tiêu phát triển

Đối với thị trường

Phân bố thị trường hợp lý nhằm khai thác tối đa tiềm năng của thị trường. Chủ động tìm kiếm đơn hàng trong nước và duy trì tốt mối quan hệ đối với những khách hàng cũ. Bên cạnh đó, mở

rộng thị phần hoạt động trong nước, tìm nguồn nguyên liệu nhập khẩu với chất lượng tốt và giá cả phải chăng.

Tăng cường kiểm soát nguồn nguyên vật liệu đầu vào đồng thời có biện pháp hạn chế chi phát sinh không cần thiết. Tối thiểu hóa các chi phí hoạt động phát sinh lớn hằng năm như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, chi phí nhiên liệu... Và có kế hoạch thanh toán các khoản nợ nhằm hạn chế chi phí lãi vay của Công ty.

Đối với khách hàng

Cam kết thực hiện đúng như yêu cầu, thỏa thuận cũng như hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đúng thời hạn; Luôn phấn đấu nâng cao giá trị kinh tế mang lại cho khách hàng.

Đối với người lao động

Con người là yếu tố cốt lõi trong mọi hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng nhân lực tối ưu là giá trị cốt lõi cho sự phát triển bền vững của toàn Công ty. Hiểu được điều đó, Công ty luôn đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, ổn định và phát triển thu nhập, tập trung chăm sóc về lương, thưởng, các chính sách đã ngộ và các chế độ phúc lợi cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và có các chính sách thúc đẩy năng suất hoạt động đối với người lao động.

Đối với xã hội và môi trường

L44 luôn làm việc và tuân thủ pháp luật, chấp hành tốt các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để đề cao trách nhiệm với môi trường, hằng năm, Công ty cùng với cơ quan chức năng trên địa bàn thường xuyên thực hiện công tác vệ sinh nơi làm việc, môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp, không xả thải ảnh hưởng đến môi trường sống. Bên cạnh đó, chất thải phát sinh từ các khu vực dự án (bao gồm chất thải nguy hại) được Công ty phân loại, tập kết và chuyển giao cho đơn vị chức năng để đưa đi xử lý. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện tốt việc kiểm soát và ngăn ngừa để giảm thiểu tiếng ồn, bụi bặm phát sinh trong quá trình thi công.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành nhưng chưa thu hồi đủ vốn như: Điện gió Bạc Liêu, Nhà máy nước Thủ Đức,... Hiện tại Công ty có gắng duy trì hoạt động cơ bản tuân thủ các quy định pháp luật đối với doanh nghiệp có cổ phiếu đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Thực hiện đúng, đủ các chỉ đạo, hỗ trợ từ Tổng Công ty Lắp máy Lilama – CTCP để kịp thời nắm bắt cơ hội phục hồi hoạt động. Cố gắng theo dõi bám sát các diễn biến thị trường để nhanh chóng đưa ra các kế hoạch hành động hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Sử dụng lao động hợp lý, cải thiện điều kiện làm việc để tăng năng suất lao động, duy trì thu nhập cho toàn bộ nhân viên Công ty.

Tiếp tục phát triển thế mạnh của mình trong hoạt động kinh doanh theo mảng xây lắp công nghiệp. Công ty đã tận dụng để phát triển thêm một số mảng dịch vụ khác như cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa các nhà máy, dây chuyền sản xuất đối với khu vực phía Nam. Bên cạnh đó, tăng cường công tác quản trị nhân sự, đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác thị trường, bảo đảm phát triển thị trường bền vững.

7. Các rủi ro

- Rủi ro kinh tế

Là một doanh nghiệp thi công các công trình vì vậy luôn gắn liền với tốc độ phát triển của nền kinh tế. Trong một nền kinh tế phát triển, các chính sách hỗ trợ của Chính Phủ kích cầu phát triển kinh tế thông qua cơ sở hạ tầng, xây dựng... Có tác động tích cực đến hoạt động của Công ty.

Nhưng khi lạm phát gia tăng sẽ gia tăng chi phí nguyên vật liệu lên cao, làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của các doanh nghiệp hoạt động xây dựng nói chung và L44 nói riêng. Vì vậy, để hạn chế các rủi ro lạm phát, Công ty đã chủ động liên tục theo dõi tình hình biến động thị trường chung để có các biện pháp đề phòng, kiểm soát tối ưu. Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy mạnh mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh mới nhằm mục tiêu tăng thêm lợi nhuận và giảm rủi ro cho Công ty.

- Rủi ro lãi suất

Một dự án đi vào thi công cần có một nguồn vốn lớn, tuy nhiên vốn chủ sở hữu sẽ không thể đáp ứng đủ cho tất cả dự án, do đó việc huy động vốn vay là điều tất yếu của Công ty. Vì vậy, lãi suất tốt sẽ giúp Công ty tiết giảm được chi phí lãi vay và cải thiện được biên lợi nhuận Công ty.

Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất cho vay của các ngân hàng có xu hướng giảm để tăng trưởng kinh tế khi Chính phủ tung ra các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, đặc biệt là các doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch Covid. Hiện lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam dao động từ 3% - 4%/năm đối với kỳ hạn dưới 6 tháng, 3,7% - 5%/năm đối với kỳ hạn 6 – 12 tháng và 4,2% - 6,5%/năm đối với kỳ hạn trên 12 tháng. Đây cũng là yếu tố tích cực đối với doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng, giúp Công ty tiết kiệm chi phí tài chính, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tiềm năng tăng trưởng của doanh nghiệp.

- Rủi ro đặc thù ngành

Đặc thù ngành nghề là thi công các công trình xây dựng có thời gian sử dụng lâu. Nơi thi công cũng là nơi tiêu thụ với thời gian xây dựng kéo dài, vì vậy thời gian quyết toán công trình kéo dài ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành từ 40% - 60% như gạch, đá, sắt thép,... vì vậy, biến động giá nguyên vật liệu có tác động không hề nhỏ đến biên lợi nhuận ròng của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn có những chính sách phòng ngừa rủi ro tăng giá nguyên vật liệu, gia tăng hàng tồn kho nhằm ngăn ngừa khi chi phí đầu vào tăng cao.

- Rủi ro pháp luật

Môi trường hoạt động của Công ty nằm trong khuôn khổ liên quan đến rất nhiều quy định, luật lệ như Luật doanh nghiệp, Xây dựng, Thương mại, Bất động sản,... Do vậy, nếu có những thay đổi bất tiện trong luật lệ sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty được chính thức giao dịch trên sàn UpCom năm 2009 vì vậy Công ty còn chịu sự ảnh hưởng của Luật chứng khoán.

Để ngăn ngừa rủi ro luật pháp, Công ty đã đưa ra các biện pháp ứng phó bằng cách xây dựng hệ thống văn bản hợp đồng mẫu, liên tục kiểm soát, đánh giá rủi ro và các điều khoản hợp đồng. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng và tuyển dụng đội ngũ nhân sự pháp chế chuyên nghiệp, liên tục cập nhật các thay đổi về chính sách để kịp thời thích nghi và đưa ra giải pháp cho các hạn chế trong luật định

- **Rủi ro môi trường**

Sự biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thi công công trình của Công ty, các hoạt động tạo ra chất thải phải được hạn chế tối đa để không gây thêm tác động xấu cho môi trường. Nhằm thực hiện chính sách bảo vệ môi trường, Công ty luôn cơ cấu lại bộ máy thi công và thực hiện cải tiến các thiết bị cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải.

Trong năm Công ty luôn thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguồn năng lượng cho tổ chức và cho cộng đồng.

- **Rủi ro khác**

Bên cạnh những rủi ro trên, Công ty cũng luôn đối mặt với những rủi ro không kiểm soát được như dịch bệnh, thiên tai, cháy nổ... Bên cạnh đó, dịch bệnh Covid-19 bùng phát gây tác động lớn đến quá trình hoàn thành các công trình và làm giảm tốc độ phát triển của ngành ... Đây là những khó khăn chung mà ai cũng phải đối mặt. Do đó, Công ty luôn thực hiện chủ trương theo dõi và nắm bắt thông tin kịp thời nhằm đưa ra các biện pháp phòng vệ rủi ro và đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp được thông suốt.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh *(kèm biểu đồ tròn)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%TH 2021/2020
1	Vốn điều lệ	40.000	40.000	100%
2	Doanh thu thuần	-	-	-
3	Lợi nhuận sau thuế	(10.726)	(7.265)	-
4	LNST/DTT	-	-	-
5	LNST/VĐL	-	-	-

Năm 2021 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức đang hoạt động trên thị trường nói chung và Lilama 45.4 nói riêng tụt dốc một cách trầm trọng, trong năm Công ty ngừng hoạt động nên L44 không mang về được doanh thu. Ngoài ra, kỳ này đang tiến hành thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính của công ty và chi trả các chi phí khấu hao, chi phí quản lý khiến lợi nhuận của Công ty giảm.

Mặc dù vậy, Công ty vẫn duy trì được vốn điều lệ hiện có của doanh nghiệp đồng thời nỗ lực đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ về Thuế tuân thủ đúng quy định.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm 22/06/2021)
2	Ông Phan Cao Viên	Thành viên
3	Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc
2	Ông Hoàng Văn Hà	Phó Giám đốc
3	Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng

Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban
2	Ông Lê Minh Thiện	Thành viên
3	Bà Lê Thị Vân Anh	Thành Viên

(*) Tính tại thời điểm 31/12/2021

Lý lịch Hội đồng quản trị

1. Ông Trần Thanh Sơn – Chủ tịch HĐQT

- ◆ Ngày sinh : 12/07/1969
- ◆ Nơi sinh : Tp. Hà Nội
- ◆ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- ◆ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 800.000 CP, chiếm 20,0% VDL
- ◆ Quá trình công tác:
 - Từ tháng 06/1996 đến nay: Công tác tại Tổng Công ty Lilama
 - Từ tháng 06/2016 đến nay: Người đại diện vốn Tổng Công ty Lilama tại Công ty CP Xi măng Sông Thao. Thành viên HĐQT Công ty CP Xi măng Sông Thao.
 - Từ tháng 06/2021 đến nay: Người đại diện vốn Tổng Công ty Lilama tại Công ty CP Lilama 45.4. Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lilama 45.4

2. Ông Phan Cao Viên – Thành viên Hội đồng quản trị

- ◆ Ngày sinh : 01/09/1970

- ◆ **Nơi sinh** : Phú Xuyên – Hà Nội
- ◆ **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ khí
- ◆ **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty CP Lilama 45.4
- ◆ **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 602.346 CP, chiếm 15,06 VDL
- ◆ **Quá trình công tác**

05/1996 – 11/2009	Công tác tại Công ty CP Lilama 45.3
12/2009 – 03/2015	Công tác tại Công ty CP Lilama 45.1
04/2015 - nay	Công tác tại Công ty CP Lilama 45.4

3. Ông Nguyễn Văn Việt – Thành viên HĐQT

- ◆ **Ngày sinh** : 10/07/1961
- ◆ **Nơi sinh** : Minh Châu – Đông Hưng – Thái Bình
- ◆ **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh
- ◆ **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT
- ◆ **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Không
- ◆ **Quá trình công tác**

1983 - 1992	Công tác tại Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy 45
1983 - nay	Công tác tại Công ty CP Lilama 45.4

Lý lịch ban điều hành

4. Ông Hoàng Văn Hà – Phó Tổng giám đốc

- ◆ **Ngày sinh** : 17/09/1972
- ◆ **Nơi sinh** : Nghệ An
- ◆ **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- ◆ **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4
- ◆ **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Không
- ◆ **Quá trình công tác**

1999 – 2002	Trưởng ban chỉ huy của Lilama 45.4
2002 – 2005	Giám đốc Nhà máy Chế tạo Cơ khí 45.4
2005 – 2008	Giám đốc Xí nghiệp lắp máy số 1 Công ty CP Lilama 45.4 – Dự án thủy điện sông Ba hạ
2008 - nay	Phó tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4 kiêm Giám

độc Xí nghiệp lắp máy số 1 Công ty CP Lilama 45.4 dự án thủy điện sông Ba Hạ

5. Bà Phan Thị Thanh Thủy – Kế toán trưởng

- ◆ Ngày sinh : 08/04/1964
- ◆ Nơi sinh : Hà Tĩnh
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng
- ◆ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.000CP – 0,05% VDL
- ◆ Quá trình công tác

1988 – 1992	Kế toán – XN Liên hợp lắp máy 45 – Trại An – Đồng Nai
1993 – 02/2002	Kế toán – Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4
03/2002 – 07/2016	Phó phòng Kế toán - Công ty CP Lilama 45.4
08/2016 - nay	Kế toán trưởng tại Công ty CP Lilama 45.4

b. Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm 22/06/2021)
2	Bà Lê Thị Vân Anh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm 22/06/2021)

c. Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	19	---
1	Trên đại học	0	---
2	Đại học	14	---
3	Cao đẳng	0	---
4	Trung cấp	03	---
5	CNKT	01	---
6	Khác	01	---
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	19	---
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	---	---

2	Hợp đồng không xác định thời hạn	18	---
3	Hợp đồng theo thời vụ	01	---

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.617.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000

Năm 2021, mặc dù Công ty phải đối mặt với những khó khăn và thách thức trong hoạt động kinh doanh khi diễn biến dịch bệnh trở nên phức tạp nhưng Công ty vẫn luôn cố gắng đồng hành và bảo vệ an toàn tốt nhất cho người lao động, thực thi các chế độ đãi ngộ cũng như các chính sách lương cho người lao động.

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty Chủ trương đào tạo các cá nhân trong hoạt động vận hành và thi công các thiết bị khoa học kỹ thuật tân tiến, tập huấn an toàn lao động đồng thời thực hiện bảo hộ lao động theo quy định của Nhà nước.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

- Đảm bảo người lao động được hưởng chính sách lương, thưởng theo đúng quy định của nhà nước;
- Thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội như: tham gia đóng 100% BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.
- Đảm bảo việc chi trả lương đầy đủ, đúng thời gian quy định cho người lao động, chi trả bổ sung tiền lương tháng 13 và lương thưởng Tết. Ngoài ra Công ty chi trả bổ sung tiền lương vào các dịp lễ Tết Dương lịch, 30/4, 1/5, lễ Quốc Khánh, Quốc tế phụ nữ...

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm qua, Công ty đang cố gắng hoạt động theo cơ cấu tổ chức cũ và thực hiện các chính sách nhằm hạn chế chi phí, tối đa hóa lợi nhuận góp phần bù đắp thua lỗ trong hoạt động kinh doanh những năm vừa qua.

4. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	116.550	116.041
2	Doanh thu thuần	-	-
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(7.920)	(5.983)
4	Lợi nhuận khác	(2.806)	(1.282)

5	Lợi nhuận trước thuế	(10.726)	(7.265)
6	Lợi nhuận sau thuế	(10.726)	(7.265)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,47	0,46
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,1	0,1
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	206,56	213,28
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-	-
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,011	0,011
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	-	-
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	-

Nhận xét:

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty không biến động nhiều so với năm trước đó. Cụ thể, Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn giảm từ 0,47 lần xuống 0,46 lần năm 2021; Hệ số thanh toán nhanh không đổi bằng 0,1 lần. Nguyên nhân là trong năm, tài sản ngắn hạn của Công ty giảm nhẹ 0,23% so với năm 2020 và giá trị hàng tồn kho không đổi. Qua đây có thể thấy, khả năng thanh toán của Công ty không biến động so với cùng kỳ năm trước.

Về chỉ tiêu cơ cấu vốn, cụ thể là Hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 206,56% năm 2020 lên 213,28% năm 2021. Nguyên nhân là do nợ phải trả tăng 2,81% và tổng tài sản giảm 0,44% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên mức tăng của nợ không đến từ việc đi vay thêm mà là các khoản phải nộp cho Nhà nước và tài sản giảm là do khấu hao tài sản cố định trong kỳ, vì vậy chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty gần như tương đồng như năm 2020 và không có diễn biến xấu hơn.

Đối với chỉ tiêu về năng lực hoạt động trong năm, vòng quay hàng tồn kho của Công ty không đổi so với năm 2020 là 0,011 vòng. Điều này được lý giải là trong năm Công ty bị tác động mạnh của dịch Covid-19 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình hoạt động SXKD buộc Công ty phải tạm dừng hoạt động để tái cấu trúc. Song những khó khăn trên, điểm sáng vẫn luôn hiện hữu khi ngay từ đầu năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết về chương trình phục hồi kinh tế KT-XH với quy mô 350 nghìn tỷ đồng, đây là gói hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế lớn nhất từ trước tới nay. Theo đó, khoảng 1/3 gói hỗ trợ sẽ chi cho phát

triển cơ sở hạ tầng tương đương với gần 114.000 tỷ đồng, đây sẽ là cơ hội chuyển mình đối với các doanh nghiệp thi công công trình nói chung và Công ty Cổ phần Lilama 45.4 nói riêng với kỳ vọng kết quả kinh doanh sẽ tích cực hơn trong năm 2022.

5. Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 4.000.000 cổ phiếu

- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 3.980.000 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 20.000 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 07/04/2021)

(Cung cấp thông tin cổ đông gần nhất – theo danh sách chốt tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2021)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị: (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	---	---	---
II	Cổ đông nội bộ	2.000	20.000.000	0,05
II	Cổ đông trong nước	3.978.400	39.784.000.000	99,46
1	Cá nhân	2.553.038	25.530.380.000	63,63
2	Tổ chức	1.425.362	14.253.620.000	35,83
III	Cổ đông nước ngoài	19.600	196.000.000	0,49
1	Cá nhân	19.600	196.000	0,49
2	Tổ chức	---	---	---
Tổng cộng		---	---	---

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

6. Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

a. Tiêu thụ năng lượng và nước

- Về năng lượng điện và nước phục vụ sản xuất có tiết kiệm tốt và tiếp tục cải tiến để ngày càng tiết kiệm hơn. Công ty đảm bảo chấp hành đúng quy định về việc sử dụng

cũng như bảo vệ môi trường nước. Đồng thời thực hiện tuyên truyền cho CBCNV thực hiện tiết kiệm điện, nước mọi lúc mọi nơi tránh gây lãng phí nguồn tài nguyên của doanh nghiệp nói chung và của quốc gia nói riêng.

b. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Luôn tuân thủ nghiêm ngặt luật bảo vệ môi trường, nâng cấp hệ thống xử lý phế phẩm và tái sử dụng chúng một cách hợp lý. Hạn chế hoạt động thải ra chất thải khí tác động đến bầu khí quyển.

c. Chính sách liên quan đến người lao động

- Mặc dù doanh nghiệp đang phải đối mặt với những khó khăn về hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp luôn tôn trọng sự đóng góp của các cá nhân trong công cuộc xây dựng tổ chức và cam kết thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Nhà nước quy định liên quan đến người lao động. Bảo đảm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho toàn thể cán bộ công nhân viên để thực hiện chế độ chính sách của nhân viên được đầy đủ.

d. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Cộng đồng là nền tảng để doanh nghiệp ổn định phát triển, bởi thế trong mỗi chính sách của tổ chức đều đặc biệt quan tâm giúp đỡ hỗ trợ cộng đồng giúp cho những cá nhân trong tổ chức cũng như trong xã hội có cuộc sống ổn định và tốt hơn, vượt qua những khó khăn trước mắt cùng nhau bước đến tương lai tươi mới phía trước.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh

Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2021

- Thuận lợi:

Nhằm kích cầu đầu tư xã hội, duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế sau dịch, Chính phủ đẩy mạnh hoạt động đầu tư công, triển khai hàng loạt các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, các hệ thống công nghiệp quy mô lớn như hệ thống giao thông vận tải, hệ thống thủy lợi... tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong ngành xây dựng cũng như Công ty cổ phần Lilama 45.4 vực dậy tình hình kinh doanh của tổ chức.

- Khó khăn:

Đối mặt với tình hình dịch bệnh, nhu cầu tiêu thụ người dân tập trung chủ yếu vào nhu yếu phẩm. Đặc biệt hoạt động đầu tư giảm mạnh gây khó khăn vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Đặc thù ngành là hoạt động thi công các công trình trong thời gian dài, vì vậy cần có nguồn vốn vững mạnh trong dài hạn để duy trì các chi phí nhân công, chi phí vận hành máy móc thiết bị ...Tuy nhiên, quá trình nghiệm thu và quyết toán bàn giao công trình gặp khó khăn

do chủ thầu trì hoãn việc thanh toán. Điều này khiến cho doanh nghiệp trong ngành xây dựng nói chung và Công ty cổ phần Lilama nói riêng gặp khó khăn trong việc xoay chuyển vốn cho các hoạt động khác trong tổ chức.

Bởi thế khi các công trình đã hoàn thành mà không được quyết toán làm cho toàn bộ tài chính công ty tê liệt, các thông số trên báo cáo tài chính cũng bị âm gây ảnh hưởng xấu đến cái nhìn của các nhà đầu tư khi muốn lựa chọn nhà thầu chính.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty:

- Tổng doanh thu thuần đạt được : 0 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế : -7.265.096.766 đồng

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	2021/ 2020(%)
Tài sản ngắn hạn	112.946	112.686	99,77
Tài sản dài hạn	3.604	3.355	93,09
Tổng tài sản	116.550	116.041	99,56
Nợ phải trả	240.741	247.497	102,80
Nợ ngắn hạn	240.741	247.497	102,80
Vốn chủ sở hữu	(124.191)	(131.456)	-
Tổng nguồn vốn	116.550	116.041	99,56

Cơ cấu tổng tài sản giảm 0,44% so với năm 2020, nguyên nhân chủ yếu do khoản tài sản ngắn hạn giảm 0,23% so với năm 2020 (giảm 260 triệu đồng). Ngoài ra, tài sản dài hạn trong năm cũng giảm từ 3.604 triệu đồng xuống 3.355 triệu đồng do khấu hao từ máy móc thiết bị của Công ty.

Trong năm công ty không vay dài hạn nên khoản nợ phải trả là nợ ngắn hạn, chỉ tiêu này tăng không đáng kể chủ yếu là nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tiếp tục âm do tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh để tiếp tục thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp.

Như vậy tình hình nguồn vốn và tài sản của Công ty thể hiện năng lực đảm bảo trả nợ vay của Công ty còn thấp.

Giải trình của Ban tổng giám đốc về ý kiến kiểm toán

Từ năm 2016 đến nay tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Kết quả Công ty thua lỗ kéo dài do các nguyên nhân:

- Các hợp đồng đã thực hiện và quyết toán xong thì thu hồi vốn chậm (như Nhà máy Điện gió Bạc Liêu,...)

- Một số công trình đã thực hiện xong đang tiến hành quyết toán, công việc mất nhiều thời gian và phụ thuộc vào Chủ đầu tư/ Nhà thầu chính, Nhà máy nước Thủ Đức, Nhiệt điện Vĩnh Tân 4...
- Năm 2021 Tài chính của Công ty gặp nhiều gặp khó khăn trong việc thu xếp nguồn vốn phục vụ cho sản xuất, ảnh hưởng đến công tác tìm kiếm việc làm. Công ty tạm ngưng SXKD và đang thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua để khắc phục khó khăn và ổn định sản xuất.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính;
- Tiếp tục đầu tư đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các công trình đã quyết toán như Điện gió Bạc Liêu, nhà máy nước Thủ Đức...
- Cân đối tài chính để thực hiện việc trả lương cho CBCNV, nộp các khoản thuế và BHXH kịp thời;
- Rà soát lại tình hình công nợ để có lộ trình thu hồi các khoản nợ tồn đọng, tiết kiệm chi phí. Công ty vẫn hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý như đã đề ra.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự kiến năm 2022. Công ty triển khai cơ cấu lại tổ chức nhằm giúp Công ty vượt qua khó khăn trước mắt với một số nhóm biện pháp sau:

- Chủ động tìm kiếm đơn hàng trong nước và duy trì tốt mối quan hệ với những khách hàng cũ.
- Mở rộng thị phần hoạt động trong nước, tìm nguồn nguyên liệu với chất lượng tốt và giá cả phải chăng.
- Phân bổ thị trường hợp lý nhằm khai thác tối đa tiềm năng của thị trường.
- Nâng cao chất lượng hoạt động, có chính sách thúc đẩy năng suất hoạt động đối với người lao động.
- Tăng cường kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào đồng thời có biện pháp hạn chế chi phí phát sinh không cần thiết.
- Tối thiểu hóa các chi phí hoạt động phát sinh hàng năm như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, chi phí nhiên liệu...
- Có kế hoạch thanh toán các khoản nợ nhằm hạn chế chi phí lãi chậm nộp, chậm thanh toán
- Công ty tiến hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi một phần nợ cho Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (DATC) nhằm giảm gánh nặng tài chính đối với hoạt động của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**
Công ty thực hiện tốt các quy định về Luật bảo vệ môi trường, hạn chế chất thải ra môi trường bên ngoài. Tiến hành nâng cấp hệ thống xử lý phế thải trong hoạt động kinh doanh và thực hiện tái chế tối đa nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu còn sử dụng được và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi như BHYT, BHTN, BHXH... và chính sách lương thưởng phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn quan tâm đến đời sống cộng đồng, thực hiện gây quỹ giúp đỡ những gia đình gặp khó khăn trong tổ chức, gây quỹ khuyến học giúp mọi trẻ em tại địa phương đều được đến trường.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp cùng với những khó khăn trong hoạt động của mình trong những năm trước Công ty tạm dừng hoạt động để tái cơ cấu, doanh thu năm 2021 của Công ty cổ phần Lilama 45.4 không có phát sinh. Công tác phục hồi khả năng hoạt động của mình là một bài toán khó đối với các nhà lãnh đạo và việc này cần được Hội đồng quản trị và Ban điều hành bàn bạc thảo luận đưa ra giải pháp tốt nhất để đưa Công ty thoát khỏi khó khăn trước mắt.
- Công ty đang trong quá trình đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn và quyết toán các hợp đồng còn dang dở đối với các hợp đồng như Nhà máy Điện Bạc Liêu, nhà máy nước Thủ Đức...
- Trong năm Công ty không có phát sinh thanh lý bán tài sản, tuy nhiên giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay trị giá 355 triệu đồng góp phần đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ của Công ty.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Trong tương lai doanh nghiệp sẽ có những bước tiến nhằm ổn định lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:
- Hối thúc quyết toán các công trình hoàn thành, tạo nguồn thu cho doanh nghiệp thực hiện trang trải chi phí nhân công, chi phí cố định của doanh nghiệp và tiếp tục đầu tư hoạt động kinh doanh
- Thực hiện đúng, đủ các chỉ thị của Tổng công ty Lắp máy Lilama để kịp thời nắm bắt cơ hội phục hồi hoạt động.
- Ban điều hành phải cố gắng theo dõi bám sát các diễn biến thị trường để nhanh chóng đưa ra các kế hoạch hành động đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh
- Sử dụng lao động hợp lý, cải thiện điều kiện làm việc để tăng năng suất lao động.

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2021)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch	0	0%
2	Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	6.080	0,152%
3	Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	0	0%

4	Ông Phan Cao Viên	Thành viên	0	0%
---	-------------------	------------	---	----

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Quang (miễn nhiệm từ 22/06/2021)	Nguyên Chủ tịch	2/2	100%
2	Ông Trần Thanh Sơn (bổ nhiệm 22/06/2021)	Chủ tịch	1/1	100%
3	Ông Phan Cao Viên	Thành viên	3/3	100%
4	Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	3/3	100%
5	Ông Vũ Thế Phương (miễn nhiệm từ 22/06/2021)	Thành viên	1/2	50%

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01//21/NQ-HĐQT	17/03/2021	Thông qua kế hoạch chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (Thời gian, địa điểm, tài liệu ...)
2	02//21/NQ-HĐQT	04/05/2021	Thông qua kế hoạch triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Lần 2 + Thời gian dự kiến: Trong tháng 06/2021 + Địa điểm : Trụ sở Công ty + Tài liệu : Theo quy định
3	02//2021/NQ-HĐQT	22/06/2021	Thông qua việc bầu Ông Trần Thanh Sơn – Thành viên HĐQT giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Lilama 45.4 (L44) nhiệm kỳ 2021 – 2026 kể từ ngày 22/06/2021

- a. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- b. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

3. Ban Kiểm soát

- a. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban	0	0%
2	Ông Lê Minh Thiện	Thành viên	0	0%

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham gia
-----	------------	---------------------	----------------

1	Ông Nguyễn Văn Ngọc	2/2	100%
2	Ông Lê Minh Thiện	2/2	100%
3	Bà Lê Thị Vân Anh (bổ nhiệm 22/06/2021)	1/1	100%

b. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Công ty gần như không hoạt động, đang chuẩn bị các hồ sơ tài liệu để tiến hành phương án tái cấu trúc lại Công ty, doanh thu không có để bù đắp chi phí.

Trong những năm qua, Công ty liên tục gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, không đạt được kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông giao, vốn chủ sở hữu âm, mất khả năng thanh toán do các nguyên nhân:

+ Các hợp đồng đã thực hiện và quyết toán xong thì thu hồi vốn chậm (nhà máy Điện gió Bạc Liêu, NM nước Thủ Đức ...)

+ Một số công trình đã thực hiện xong đang tiến hành quyết toán, công việc mất nhiều thời gian và phụ thuộc vào Chủ đầu tư/Nhà thầu chính như: Nhiệt điện Vĩnh Tân 4...

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã phối hợp và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát hoạt động. Tuy nhiên trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Công ty gần như không hoạt động nên công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát vẫn còn một số hạn chế nhất định.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương (đồng)	Thưởng
I	Hội đồng quản trị				
1	Trần Thanh Sơn	Chủ tịch	0	0	0
2	Phan Cao Viên	Thành viên - TGD	0	-	0
3	Nguyễn Văn Việt	Thành viên		87.876.000	
II	Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban	0	0	0
2	Lê Minh Thiện	Thành Viên	0	0	0
3	Lê Thị Vân Anh	Thành viên	0	62.088.000	0
III	Ban điều hành				

1	Phan Cao Viên	TGD	0	101.256.000	0
2	Hoàng Văn Hà	Phó TGD	0	89.010.000	0
3	Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	0	84.660.000	0
Tổng cộng				424.890.000	

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.4 luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp , trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.1 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2021 tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 134,8 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2021 khoảng 188,5 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021 âm khoảng 131,4 tỷ đồng.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, Công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của Công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên).

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Địa chỉ: Xa lộ Hà Nội, P. Bình Đa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/09/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 là 40.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 4.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP	1.402.346	14.023.460.000	35,06%
Vốn góp của cổ đông khác	2.597.654	25.976.540.000	64,94%
	4.000.000	40.000.000.000	100,00 %

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG KỲ

Ngày 04/10/2018 Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 1631/QĐ-CT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty Cổ phần Lilama 45.4. Đến thời điểm hiện tại thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành. Công ty được Cục Thuế cho phép sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh.

Trong năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn từ 40 tỷ lên 62 tỷ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các thủ tục thực hiện tăng vốn vẫn đang trong quá trình thực hiện và chưa được hoàn tất.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/6/2021
Ông Nguyễn Văn Quang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22/6/2021
Ông Phan Cao Viên	Thành viên	
Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/6/2021
Ông Vũ Văn Việt	Thành viên	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Địa chỉ: Xa lộ Hà Nội, P. Bình Đa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lê Minh Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Vân Anh	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 22/6/2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2021 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty;

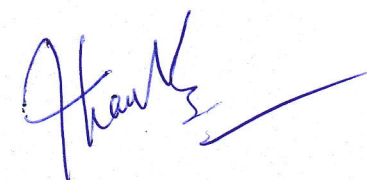
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 45.4
phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2021 của Công ty.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch



Trần Thanh Sơn

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

Số: 324/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4, được lập ngày 28/3/2022, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.1 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2021 tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 134,8 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2021 khoảng 188,5 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021 âm khoảng 131,4 tỷ đồng.



Bui Quang Hợp

LÊ NGỌC KHUÊ

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0665-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÙI QUANG HỢP

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 1796-2019-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.685.819.307	112.946.041.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.054.853.827	2.354.772.933
1. Tiền	111		2.054.853.827	2.354.772.933
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.514.126.215	22.474.428.971
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	18.822.423.793	18.822.423.793
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.111.744.637	6.072.047.393
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	586.042.944	586.042.944
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(3.006.085.159)	(3.006.085.159)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	88.116.839.265	88.116.839.265
1. Hàng tồn kho	141		88.116.839.265	88.116.839.265
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.355.267.915	3.604.372.124
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.355.267.915	3.604.372.124
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	373.767.915	622.872.124
- Nguyên giá	222		23.029.785.028	23.029.785.028
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.656.017.113)	(22.406.912.904)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.981.500.000	2.981.500.000
- Nguyên giá	228		2.981.500.000	2.981.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		116.041.087.222	116.550.413.293

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		247.497.468.573	240.741.697.878
I. Nợ ngắn hạn	310		247.497.468.573	240.741.697.878
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	35.528.570.237	35.528.570.237
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	15.687.325.432	15.687.325.432
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	10.513.369.140	10.160.920.205
4. Phải trả người lao động	314		10.763.317.520	10.235.340.520
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	9.236.216.288	9.236.216.288
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		541.686.230	541.686.230
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	82.060.509.663	76.180.364.903
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	82.842.927.404	82.842.927.404
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		323.546.659	328.346.659
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(131.456.381.351)	(124.191.284.585)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	(131.456.381.351)	(124.191.284.585)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.520.000.000	3.520.000.000
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(282.000.000)	(282.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.833.254.447	11.833.254.447
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.000.893.238	2.000.893.238
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(188.528.529.036)	(181.263.432.270)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(181.263.432.270)	(170.537.121.741)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.265.096.766)	(10.726.310.529)
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		116.041.087.222	116.550.413.293

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	-
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	249.104.209	974.989.238
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(249.104.209)	(974.989.238)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	149.591.631	80.223.146
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.769.982.566	5.602.395.717
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.769.982.566	5.602.373.692
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.113.172.573	1.422.786.822
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.982.667.717)	(7.919.948.631)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	1.282.429.049	2.806.361.898
13. Lợi nhuận khác	40		(1.282.429.049)	(2.806.361.898)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.265.096.766)	(10.726.310.529)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(7.265.096.766)	(10.726.310.529)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(1.825)	(2.695)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	(1.825)	(2.695)

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Đơn vị tính: đồng Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	-	10.336.819.877
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(272.921.777)	(6.104.609.629)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(197.210.000)	(3.087.088.000)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	48.114.040	107.612.267
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(27.493.000)	(1.032.034.364)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(449.510.737)	220.700.151
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	149.591.631	80.223.146
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	149.591.631	80.223.146
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(299.919.106)	300.923.297
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.354.772.933	2.053.871.661
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(22.025)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.054.853.827	2.354.772.933

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/09/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xã lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây truyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc thiết bị phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng ;
- Lắp đặt thang máy; Lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa dung dịch lỏng; Lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp ;
- Buôn bán sắt thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường) ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không gia công tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)/.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, và các văn bản pháp lý liên quan khác theo quy định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (đồng), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2021, tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 134,8 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2021 khoảng 188,5 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021 âm khoảng 131,4 tỷ đồng. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào Ban Tổng Giám đốc Công ty có thể thu xếp được các dòng tiền trong tương lai. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh liên tục, có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty trong tương lai gần.

Theo biên bản thỏa thuận ngày 20/10/2017 giữa Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh (DATC) và Công ty Cổ phần Lilama 45.4 thì sau khi DATC mua lại khoản nợ của Ngân hàng Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Đồng Nai sẽ thực hiện phương án xử lý nợ.

- Thu nợ 45 tỷ đồng thời hạn 12 tháng bằng các nguồn tài chính hợp pháp, trường hợp không huy động đủ nguồn tài chính hợp pháp thì sẽ thực hiện bán thanh lý hai bất động sản là tòa nhà văn phòng Công ty và Nhà máy cơ khí chế tạo.
- Sau khi thực hiện trả nợ DATC sẽ thực hiện chuyển 22 tỷ đồng nợ phải thu thành vốn góp với tỷ lệ 1:1. Số nợ còn lại sẽ được xóa trách nhiệm trả nợ.

Căn cứ tờ trình đại hội đồng cổ đông ngày 29/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 45.4 Công ty thông qua phương án tái cơ cấu tài chính Công ty với một số nội dung chính:

- Chuyển nhượng tài sản là trụ sở Công ty và nhà máy cơ khí để trả các khoản nợ, góp phần cải thiện tình hình tài chính và hoạt động của công ty.

Đến thời điểm 31/12/2021, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM (DATC-HCM) đã bán đấu giá tài sản trên đất gắn liền với lợi thế quyền thuê 19.899 m² đất tại nhà máy cơ khí chế tạo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại địa chỉ số 4 đường 9A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với mức giá 46.046.000.000 đồng; bán đấu giá các xe ô tô, xe chuyên dùng, máy, thiết bị với mức giá 5.520.000.000 đồng. DATC-HCM đã cản trừ khoản thu được từ bán đấu giá với nợ vay của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 số tiền là 45 tỷ đồng.

- Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 62 tỷ đồng: Tăng 22 tỷ đồng, tương đương 2.200.000 cổ phần phổ thông; Đối tượng nhận mua cổ phần phát hành tăng thêm là Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) thông qua việc chuyển nợ thành vốn góp cổ phần tỷ lệ 1:1, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện tư vấn chào

bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn từ 40 tỷ lên 62 tỷ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các thủ tục thực hiện tăng vốn vẫn đang trong quá trình thực hiện và chưa được hoàn tất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 06 năm

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm là các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn và các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng	
		31/12/2021	01/01/2021
1. Tiền và các khoản tương đương tiền			
- Tiền mặt		48.383.000	10.960.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		2.006.470.827	2.343.812.933
Cộng		2.054.853.827	2.354.772.933
2. Phải thu khách hàng		31/12/2021	01/01/2021
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		18.822.423.793	18.822.423.793
- PASSAVANT ENERGY & ENVIRONMENT GMBH - Thủ Đức		2.736.657.573	2.736.657.573
- Công ty TNHH Xây dựng -Thương mại - Du lịch Công Lý		3.662.881.866	3.662.881.866
- Công ty CP Lilama 3		1.931.753.546	1.931.753.546
- CN Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM		3.680.000.000	3.680.000.000
- Các khách hàng khác		6.811.130.808	6.811.130.808
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan			
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP		925.431.768	925.431.768
3. Phải thu khác		31/12/2021	01/01/2021
		Giá trị	Giá trị
		Dự phòng	Dự phòng
a) Ngắn hạn		586.042.944	204.300.777
- Phải thu khác		235.588.276	204.300.777
- Tạm ứng		350.454.668	-
Cộng		586.042.944	204.300.777
4. Nợ xấu		31/12/2021	01/01/2021
		Giá gốc	Giá gốc
		Giá trị có	Giá trị có
		thẻ thu hồi	thẻ thu hồi
a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán			
- Phải thu khách hàng	2.209.874.082	-	2.209.874.082
- Trả trước cho người bán	591.910.300	-	591.910.300
- Phải thu khác	204.300.777	-	204.300.777
Cộng	3.006.085.159	-	3.006.085.159
5. Hàng tồn kho		31/12/2021	01/01/2021
		Giá gốc	Giá gốc
		Dự phòng	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.116.839.265	-	88.116.839.265
Cộng	88.116.839.265	-	88.116.839.265

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	4.338.812.125	9.969.150.766	8.435.813.809	286.008.328	23.029.785.028
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.338.812.125	9.969.150.766	8.435.813.809	286.008.328	23.029.785.028
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3.817.059.459	9.882.224.857	8.421.620.260	286.008.328	22.406.912.904
Số tăng trong kỳ	167.079.132	67.831.528	14.193.549	-	249.104.209
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	167.079.132	67.831.528	14.193.549	-	249.104.209
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.984.138.591	9.950.056.385	8.435.813.809	286.008.328	22.656.017.113
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	521.752.666	86.925.909	14.193.549	-	622.872.124
Tại ngày cuối kỳ	354.673.534	19.094.381	-	-	373.767.915

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2021 để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 354.643.534 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2021 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 18.996.276.602 đồng.

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Số dư cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Tại ngày cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000

- Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xã Lộ Hà Nội, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại 31/12/2021 đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 2.981.500.000 đồng

8. Phải trả người bán

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
35.528.570.237	35.528.570.237	35.528.570.237
- Công ty TNHH TM DV Hương Thái	3.236.302.599	3.236.302.599
- Công ty CP TM&SX Thái Dương Anh	409.326.200	409.326.200
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chánh Hưng	2.454.827.152	2.454.827.152
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	3.510.895.217	3.510.895.217
- Các đối tượng khác	25.917.219.069	25.917.219.069

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	3.510.895.217	3.510.895.217
--	---------------	---------------

9. Người mua trả tiền trước	31/12/2021	01/01/2021
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.687.325.432	15.687.325.432
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	10.850.121.849	10.850.121.849
- Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	4.365.398.316	4.365.398.316
- Các khách hàng khác	471.805.267	471.805.267
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	10.850.121.849	10.850.121.849

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2021
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.309.340.356	(15.892.420)	-	2.293.447.936
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.851.579.849	368.341.355	-	8.219.921.204
Cộng	10.160.920.205	352.448.935	-	10.513.369.140

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
a) Ngắn hạn		
- Chi phí Công trình Thủy điện Vĩnh Hà	8.635.611.438	8.635.611.438
- Chi phí Công trình Thủy điện Thác Mơ	504.104.850	504.104.850
- Chi phí các công trình khác	96.500.000	96.500.000
Cộng	9.236.216.288	9.236.216.288

12. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	303.177.607	311.801.607
Bảo hiểm xã hội	17.136.113.896	16.004.260.486
Bảo hiểm thất nghiệp	284.489.567	273.509.783
Các khoản phải trả, phải nộp khác	64.336.728.593	59.590.793.027
+ Cổ tức phải trả	6.766.000.000	6.766.000.000
+ Nợ các đội công trình	11.230.038.320	11.254.085.320
+ Quỹ tình thương	257.835.180	257.835.180
+ Lãi vay	42.187.933.546	37.417.950.980
+ Tiền trợ cấp thôi việc phải trả	3.350.887.000	3.350.887.000
+ Phải trả khác	544.034.547	544.034.547
Cộng	82.060.509.663	76.180.364.903

13. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	82.842.927.404	-	-	82.842.927.404
- <i>Vay ngắn hạn</i>				
Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán				
+ nợ Việt Nam tại TP.HCM (DATC- HCM) ⁽¹⁾	81.892.927.404	-	-	81.892.927.404
+ Vay cá nhân	950.000.000	-	-	950.000.000

⁽¹⁾ Toàn bộ khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được chuyển qua Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM (DATC - HCM) theo Hợp đồng mua bán nợ số 87/2017/HĐMBN ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và DATC - HCM; Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, DATC - HCM và Công ty Cổ phần Lilama 45.4 ngày 28/12/2017. Đến thời điểm 31/12/2021, DATC - HCM đã bán đấu giá Nhà máy cơ khí Lilama 45.4 với mức giá 46.046.000.000 đồng; bán đấu giá các xe ô tô, xe chuyên dùng, máy, thiết bị với mức giá 5.520.000.000 đồng. DATC - HCM đã căn trừ khoản thu được từ bán đấu giá với nợ vay của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 số tiền là 45 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Xã Lộ Hà Nội - Phường Bình Đa - TP. Biên Hòa - Đồng Nai

MÃ SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

14. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: đồng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	2.000.893.238	(158.703.867.294)	(113.464.974.056)	
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	10.726.310.529	10.726.310.529	
- <i>Lỗ trong năm trước</i>	-	-	-	-	10.726.310.529	10.726.310.529	
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	2.000.893.238	(169.430.177.823)	(124.191.284.585)	
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-	
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	7.265.096.766	7.265.096.766	
- <i>Lỗ trong năm nay</i>	-	-	-	-	7.265.096.766	7.265.096.766	
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	2.000.893.238	(176.695.274.589)	(131.456.381.351)	

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP
- Vốn góp của cổ đông khác

Cộng

	31/12/2021	01/01/2021
	14.023.460.000	14.023.460.000
	25.976.540.000	25.976.540.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Vốn góp đầu kỳ
- Vốn góp tăng trong kỳ
- Vốn góp giảm trong kỳ
- Vốn góp cuối kỳ

+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia

	31/12/2021	01/01/2021
	40.000.000.000	40.000.000.000
	-	-
	-	-
	40.000.000.000	40.000.000.000

d) Cổ phiếu**Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành****Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng****- Cổ phiếu phổ thông****Số lượng cổ phiếu được mua lại****- Cổ phiếu phổ thông****Số lượng cổ phiếu đang lưu hành****- Cổ phiếu phổ thông**

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	4.000.000	4.000.000
	4.000.000	4.000.000
	4.000.000	4.000.000
	20.000	20.000
	20.000	20.000
	3.980.000	3.980.000
	3.980.000	3.980.000

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

- USD

	31/12/2021	01/01/2021
	64,54	64,54

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Doanh thu****Doanh thu hoạt động xây lắp****Cộng**

	Năm 2021	Năm 2020
	-	-
	-	-
Cộng		

2. Giá vốn hàng bán**Giá vốn hoạt động xây lắp****Cộng**

	Năm 2021	Năm 2020
	249.104.209	974.989.238
Cộng	249.104.209	974.989.238

3. Doanh thu hoạt động tài chính**Lãi tiền gửi, tiền cho vay****Cộng**

	Năm 2021	Năm 2020
	149.591.631	80.223.146
Cộng	149.591.631	80.223.146

4. Chi phí tài chính**Lãi tiền vay****Lỗ chênh lệch tỷ giá****Cộng**

	Năm 2021	Năm 2020
	4.769.982.566	5.602.373.692
	-	22.025
Cộng	4.769.982.566	5.602.395.717

	Năm 2021	Năm 2020
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	935.601.500	1.155.131.544
Chi phí quản lý khác	177.571.073	267.655.278
Cộng	1.113.172.573	1.422.786.822
6. Chi phí khác		
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	914.087.694	928.586.289
Phạt chậm nộp thuế	368.341.355	1.786.145.273
Các khoản khác	-	91.630.336
Cộng	1.282.429.049	2.806.361.898
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.265.096.766)	(10.726.310.529)
b/ Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
c/ Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b)	(7.265.096.766)	(10.726.310.529)
d/ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ (*)	-	-
e) Số lượng Cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ	3.980.000	3.980.000
f/ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.980.000	3.980.000
g) Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
h/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu $\{=(c-d)/f\}$	(1.825)	(2.695)
i/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu $\{=(c-d)/(f+g)\}$	(1.825)	(2.695)
(*) Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/06/2021 Công ty không phân phối lợi nhuận năm 2020 do hoạt động kinh doanh đang bị lỗ. Do đó, chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu không phải tính đến ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu.		
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	11.450.000
Chi phí nhân công	919.887.460	1.756.413.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	249.104.209	373.707.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	132.724.073	186.281.681
Chi phí khác bằng tiền	60.561.040	69.923.597
Cộng	1.362.276.782	2.397.776.060

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh trong kỳ

- Ngày 04/10/2018 Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 1631/QĐ-CT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty Cổ phần Lilama 45.4. Đến thời điểm hiện tại thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành. Công ty được Cục Thuế cho phép sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh.

- Trong năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn từ 40 tỷ lên 62 tỷ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các thủ tục thực hiện tăng vốn vẫn đang trong quá trình thực hiện và chưa được hoàn tất.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) đồng
1 Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam -CTCP	Cổ đông lớn	Phải thu khách hàng	925.431.768
		Người mua trả trước	(10.850.121.849)
		Phải trả người bán	(3.510.895.217)

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/06/2021 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không nhận thù lao năm 2021.

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác

TT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2021
1	Ông Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc	101.256.000
2	Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	89.010.000
3	Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	84.660.000
Cộng			274.926.000

4. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

5. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Phan Thị Thanh Thủy

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2022

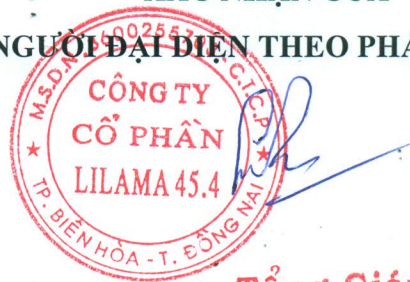
Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2022

**XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



Tổng Giám Đốc
Phan Cao Viên